

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195 /2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 11-10 -2018

V/v tranh chấp HNGĐ - ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm.

2. Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo. [Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.](#)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp M , xã M , huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 118, ấ Th, xã M A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T , sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp M , xã M , huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh T kết hôn năm 2011. Có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân do mai mối. Vợ chồng chung sống đến 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống khoảng tháng 4/2018. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm thường hay cãi nhau, hôn nhân do mai mối nên tình cảm vợ chồng không phát sinh nhiều, chị cố gắng chung sống nhưng chồng không tôn trọng vợ và gia đình bên vợ khi nói chuyện thì có những lời lẽ thiếu tế

nhị, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống là do anh T đuổi mẹ con chị đi, do anh T đuổi đi nhiều lần nên chị với nhà cha mẹ chị sinh sống. Nay tình cảm không còn xin ly hôn với anh T .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Văn Th , sinh ngày 09/09/2014 hiện nay sống với chị, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng lúc còn chung sống có nuôi được 6 con bò, yêu cầu chia khi ly hôn trị giá 6 con bò là 95.000.000đ.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn, hôn nhân do mai mối anh đồng ý mới tiền tới hôn nhân. Vợ chồng chung sống tại xã Hòa An (ra ở riêng), vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh lo làm ăn nên không chăm sóc vợ con, khi vợ chồng cãi nhau anh có đuổi vợ đi nên vợ mới về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Anh có đến gặp vợ năn nỉ hàn gắn nhưng vợ không đồng ý. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Văn Th , sinh ngày 09/09/2014. Hiện đang sống với chị N. Nếu Tòa án cho ly hôn yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng lúc còn chung sống có nuôi được 6 con bò, lúc vợ bỏ đi thì anh buồn và do một mình nên nuôi không nổi, bò bị bệnh nên anh đã bán được số tiền là 105.000.000đ. Sau đó anh có trả tiền cỏ và tiền mua thức ăn hết khoảng 10.000.000đ còn lại chi xài cá nhân hết 10.000.000đ chỉ còn lại 85.000.000đ. Nay chị N yêu cầu chia số tiền 95.000.000đ anh đồng ý.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn T, anh T có nơi cư trú tại ấp M, xã M , huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].*Về nội dung*

[2.1].Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn T là hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt vì không chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2018 đến nay chị N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không ai quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết anh T có xin

cho vợ chồng hàn gắn nhưng anh T không đến gặp chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy anh T không có thiện chí để hàn gắn. Tại phiên tòa chị N cương quyết xin ly hôn anh T đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T .

[2.2].Về quan hệ con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung tên Phan Văn Th , sinh ngày 09/09/2014, chị N đang nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh T cũng yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung hiện chị N nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, cháu vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho N nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đồng cho đến khi con trưởng Th .

Chị Nguyễn Thị N cùng các Th viên gia đình (nếu có) không được cản trở **anh T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3].Về Tài sản: Chị N yêu cầu anh T chia giá trị 6 con bò là 95.000.000đ. Anh T đồng ý giá trị 6 con bò là 95.000.000đ anh đồng ý chia đôi. Xét thấy chị N và anh T thỏa thuận về việc chia T sản nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận này. Anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị N số tiền 47.500.000đ.

Về nợ chung: Ghi nhận chị N và anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3].Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí HNST là 300.000đ. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ. Chị N anh T phải chịu là 1.187.500đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Văn Th, sinh ngày 09/09/2014. Anh Phan Văn T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đồng cho đến khi con trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018.

Chị Nguyễn Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở **anh T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị N được sở hữu số tiền 47.500.000đ (hiện anh T đang quản lý).

Anh Phan Văn T được sở hữu số tiền 47.500.000đ (hiện anh đang quản lý).

Anh Phan Văn T có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 47.500.000đ đây là T sản chị N được sở hữu hiện anh đang quản lý.

4. Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí HNST là 300.000đ và án phí tài sản được chia là 1.187.500đ tổng cộng 1.487.500đ được trừ vào tiền tại nộp án phí 1.800.000đ biên lai thu tiền số 0019916 ngày 16/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Được nhận lại số tiền 312.500đ.

Anh Phan Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ và án phí T sản được chia là 1.187.500đ tổng cộng 1.487.500đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã M A, h. Lấp Vò, Đồng Tháp.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình

